

Số: 326/QĐ-CĐSPĐL;11/08/2026; 08:09:50;
+0700

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON HÌNH THỨC CHÍNH QUY, NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CĐSPĐL ngày /8/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk
về việc công nhận thí sinh trúng tuyển ngành Giáo dục Mầm non hình thức chính quy, năm 2026)

STT	ĐDCN	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã PTXT	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	066308000235	THÂN THỊ THU UYÊN	25/08/2008	Nữ	406	M08	2	26.29	
2	066307014812	H VIỆT Ê NƯÔL	01/03/2007	Nữ	406	M06	1	26.21	
3	066308006383	H HẠNH NIỀ	19/08/2008	Nữ	406	M06	1	25.98	
4	066307012107	H NHAN MLÔ	10/11/2007	Nữ	406	M04	1	25.90	
5	066308007682	H WER NIỀ	01/04/2008	Nữ	406	M08	1	25.90	
6	066308010801	HOÀNG THỊ THU	28/04/2008	Nữ	406	M08	1	25.88	
7	066308005979	H NIK MLÔ	18/08/2008	Nữ	406	M06	1	25.85	
8	MI6600787874	LÊ GIA HÂN	08/02/2004	Nữ	406	M08	1	25.79	
9	066308001657	H NGÀ ÔNG	06/07/2008	Nữ	406	M06	3	25.79	
10	066308017519	NINH PHẠM THẢO NGUYỄN	21/04/2008	Nữ	406	M04	1	25.73	
11	066308012324	H ĐIỀU HWING	26/01/2008	Nữ	406	M06	1	25.68	
12	066307011215	H HÂN NIỀ	28/11/2007	Nữ	406	M04	1	25.67	
13	051308013933	NGUYỄN THỊ THU NGÂN	13/02/2008	Nữ	406	M04	1	25.67	
14	066308017827	H LINA NIỀ	12/05/2008	Nữ	406	M10	1	25.64	
15	066308002454	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	05/07/2008	Nữ	406	M08	2	25.61	
16	067308002980	NGUYỄN THỊ NGÀ	23/04/2008	Nữ	406	M04	1	25.59	
17	066308013388	H ZIM MLÔ	19/11/2008	Nữ	406	M06	3	25.56	
18	066308003549	H' THIỆP NIỀ KĐĂM	28/08/2008	Nữ	406	M04	1	25.54	
19	066308015798	H HẬU MLÔ	18/09/2008	Nữ	406	M10	1	25.53	
20	066304004586	PHAN THỊ THÙY TRANG	27/03/2004	Nữ	406	M08	1	25.48	
21	066308018990	H VÂN AYÛN	15/03/2008	Nữ	406	M02	3	25.48	
22	066308010979	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TÂY	30/05/2008	Nữ	406	M04	2	25.38	
23	066308001328	H LUỆT NIỀ	01/01/2008	Nữ	406	M10	1	25.33	
24	066307009450	H GOEN ÊBAN	04/05/2007	Nữ	406	M04	1	25.30	
25	066308005705	TRỊNH GIA NHI	16/11/2008	Nữ	406	M10	1	25.29	
26	066308014401	NGUYỄN THÙY TRỊNH	11/03/2008	Nữ	406	M06	2	25.24	
27	066307002940	PHẠM THỊ TRÚC LY	15/01/2007	Nữ	406	M04	1	25.22	

STT	ĐDCN	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã PTXT	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển	Ghi chú
28	066308010855	H HOA NIÊ	28/03/2008	Nữ	406	M06	1	25.18	
29	066308007591	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	26/02/2008	Nữ	406	M06	2	25.17	
30	066307002471	H PHƯƠNG NIÊ	21/08/2007	Nữ	406	M04	3	25.13	
31	066308017740	TRƯỜNG THỊ THUY NGÂN	22/09/2008	Nữ	406	M08	1	25.12	
32	066308012463	H ƠN CHÊ NIÊ	18/12/2008	Nữ	406	M06	3	25.10	
33	066308016506	H BÍCH PHƯƠNG AYŨN	24/10/2008	Nữ	406	M06	1	25.08	
34	066307016883	NÔNG THỊ KIỀU TRINH	09/02/2007	Nữ	406	M04	1	25.08	
35	066308018530	TRƯỜNG THỊ KIỀU DIỄM	13/07/2008	Nữ	406	M08	5	25.07	
36	066307000522	H XUYỀN BYÃ	11/01/2007	Nữ	406	M04	1	24.98	
37	066303012204	HÀ THỊ HỒNG	28/01/2003	Nữ	406	M04	1	24.89	
38	066307013096	H QUỲNH NIÊ	15/04/2007	Nữ	406	M04	1	24.82	
39	066304004478	NÔNG THỊ HỒNG QUYÊN	23/07/2004	Nữ	406	M08	1	24.77	
40	066307002894	NÔNG THỊ TRÚC LÊ	25/11/2007	Nữ	406	M06	1	24.73	
41	066307006740	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	08/07/2007	Nữ	406	M06	2	24.71	
42	066308001281	TRẦN THỊ YẾN NHƯ	03/03/2008	Nữ	406	M06	3	24.69	
43	066300019824	ĐẶNG DIỄM ÁI PHÒNG	12/03/2000	Nữ	406	M04	1	24.65	
44	066307012872	PHẠM VĂN ANH	28/10/2007	Nữ	405	M01	2	25.60	
45	066308015870	H' YẾN - BYÃ	10/06/2008	Nữ	405	M01	2	25.57	
46	066308014223	TRẦN THỊ CÚC	06/12/2008	Nữ	405	M01	3	25.28	
47	066303014971	HUỲNH LÊ MINH NGỌC	01/10/2003	Nữ	405	M01	1	25.25	
48	066308011141	LÊ THỊ MINH NGUYỄN	09/09/2008	Nữ	405	M01	1	24.87	
49	066308013241	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	01/03/2008	Nữ	405	M00	4	24.63	
50	066308006664	H SRAN BUỒN YÃ	05/03/2008	Nữ	405	M01	1	24.58	
51	066308018333	H THÔNG NIÊ	08/11/2008	Nữ	405	M01	1	24.50	
52	066308013213	LÊ TRẦN BẢO VI	01/11/2008	Nữ	405	M01	3	24.40	
53	066308002501	LÊ MINH THẢO	26/10/2008	Nữ	405	M01	4	24.38	
54	066308018846	H SU KIÊN MLÔ	28/03/2008	Nữ	405	M01	1	24.25	
55	066308017344	Y RI AM	07/01/2008	Nữ	405	M01	1	24.25	
56	066307000073	HOÀNG THỊ MAI TRANG	01/01/2007	Nữ	405	M05	1	24.15	
57	066308004369	TRẦN THỊ LAN ANH	28/12/2008	Nữ	405	M01	2	24.15	
58	066308009650	PHẠM NGỌC YẾN	09/03/2008	Nữ	405	M01	1	23.96	

STT	ĐDCN	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Mã PTXT	Mã tổ hợp	Thứ tự NV	Điểm xét tuyển	Ghi chú
59	066307017470	H' NGOAN NIỀ KDĂM	04/04/2007	Nữ	405	M01	2	23.75	
60	066308009045	H' RÔZEN - ÊYA	05/10/2008	Nữ	405	M01	2	23.75	
61	066307014528	NGUYỄN TRÀ MY	16/03/2007	Nữ	405	M01	2	23.72	
62	066308017891	QUẢN NGỌC TRÂM ANH	03/12/2008	Nữ	405	M01	1	23.72	
63	066308003937	LÊ PHƯƠNG LINH	07/12/2008	Nữ	405	M01	2	23.70	
64	066308014455	LƯƠNG HỒ MỸ DUYÊN	01/06/2008	Nữ	405	M01	1	23.50	
65	066308003313	VÕ LÊ THẢO VY	15/10/2008	Nữ	405	M01	1	23.48	
66	066308004232	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	07/09/2008	Nữ	405	M01	2	23.48	